TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Bà Trần Thanh Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1978. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị X, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Võ Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau: Ông và bà Đặng Thị X do quen biết và đi đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01, tháng 6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, xung đột xảy ra hằng ngày không có biện pháp khắc

phục, mục đích hôn nhân không đạt. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà X.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày 14/11/2007, Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 25/9/2012. Sau khi ly hôn ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Đặng Thị X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà X đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B, ông B được ly hôn bà X; Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày 14/11/2007, Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 25/9/2012. Đề nghị giao con chung tên Võ Thanh T, Võ Thị Thanh T1 cho ông Võ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và bà X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà X trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Võ Văn B yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị X. Bà X có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Võ Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/01/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị

đơn bà Đặng Thị X do bà X đã bỏ đi nơi khác. Tại đơn khởi kiện ông B đã ghi đúng địa chỉ của bà X theo sổ hộ khẩu đăng ký tại khóm Đ, phường M, thành phố L và qua kết quả xác minh xác định được bà X có nơi cư trú cuối cùng tại số B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, ông B xác định không cung cấp được địa chỉ nào khác. Hiện nay bà X đã bỏ địa phương đi mà không thông báo là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà X vẫn vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông B và bà X xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Ông B xác định không còn tình cảm với bà X, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên ông vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, ông B xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với bà X, hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày 14/11/2007, Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 25/9/2012. Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay thì ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Trong thời gian cháu sống với cha đã ổn định về điều kiện sinh hoạt, môi trường học tập, tâm tư, tình cảm của các cháu gắn liền với cha. Mặt khác, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 06/12/2023 các cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T, cháu T1 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do ông B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của ông B trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: ông B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn B được ly hôn bà Đặng Thị X.

- Về con chung: Ông Võ Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày 14/11/2007, Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 25/9/2012.

Ông Võ Văn B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Đặng Thị X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bà Đặng Thị X không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà X thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0001204 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông B đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên